

BÁO CÁO KHẢ NĂNG THANH TOÁN/ SOLVENCY MARGIN REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 của Bộ Tài chính)/ According to Circular No67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 of MOF

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ: Công ty TNHH bảo hiểm Samsung Vina / Samsung Vina Insurance Co., Ltd
- Báo cáo năm: 2025 từ 01/01/2025 đến 31/12/2025/ Time: FY. 2025 from Jan 01st, 2025 to Dec 31th, 2025.

Đơn vị: triệu đồng / unit : million VND

Chi tiêu item	Giá trị hạch toán/ amount	Tỷ lệ loại trừ/ exclude	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán calculate the solvency margin
(1)	(2)	(3)	(4)
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả Different between Total Asset and Liabilities	1,564,743		57,530
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán: Assets that is accepted all booking value :	2,799,830		
Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi, tiền đang chuyển, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng Tổ Quốc, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh/ Included cash on hand, cash in bank, cash in transfer, government bonds, bonds of treasury, debenture bonds of treasury, government bonds of the country, debenture bonds of local government, debenture bonds of government	1,906,340	0%	
Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường	893,490	0%	
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng tương ứng và giá trị hao mòn lũy kế (nếu có) theo quy định của pháp luật/ Assets excepted partly booking value after deduct reserve booking & accumulated amount (if any) follow the Law of Vietnam	183,645		29,448
a) Các tài sản đầu tư (trừ các khoản đầu tư quy định tại điểm g, khoản 4 Mẫu này): Investment Assets:			
+ Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo - Secured corporation bonds		1%	-
+ Trái phiếu doanh nghiệp không có đảm bảo - Unsecured corporation bonds		3%	-
+ Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ - Listed stocks, funds		15%	-
+ Cổ phiếu không được niêm yết - Non-listed stocks		20%	-
+ Đầu tư vào bất động sản do chính DN sử dụng/ Direct investment in Real Estate for Company use		8%	-
+ Đầu tư vào bất động sản để cho thuê/ Direct investment in Real Estate for Renting		15%	-
+ Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu)/ Capital contribution to other company (except other capital contribution insurance corporation)		20%	-
b) Các khoản phải thu - Receivable:	8,145		2,464
+ Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 1 năm/ Direct and re-insurance premium receivable are overdue from 90 days to 1 year	116	30%	35
+ Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật / Direct and re-insurance premium receivable are overdue from 1 year to 2 years after deducting bad debt provision follow Law of Vietnam		50%	-
+ Phải thu tái bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 1 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%/ Direct and re-insurance premium receivable are overdue from 90 days to 1 year (after deducting other receivable, other payable of reinsurer in the same time). In case this result is the minus (-): excluded 0%.	7,927	30%	2,378
+ Phải thu tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%/ Direct and re-insurance premium receivable are overdue from 1 year to 2 years (after deducting other receivable, other payable of reinsurer in the same time). In case this result is the minus (-): excluded 0%.	102	50%	51
c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho/ Tangible & intangible fixed assets are computer softwares, land use rights and inventories.	6,596	25%	1,649
d) Tài sản khác - Other Assets	168,905	15%	25,336
4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán - Assets excepted all booking value	28,081		28,081
a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu / Capital invested to establish other insurance company from shareholder's fund	-	100%	-
b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật/ Bad Debt (after deducting provision)	-	100%	-
c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất - Intangible fixed assets (except softwares, land use rights)	-	100%	-
d) Chi phí trả trước: các khoản tạm ứng, trang thiết bị và đồ dùng văn phòng; các khoản phải thu nội bộ / Advances; Unsecured debts; office equipments; internal receivable	28,081	100%	28,081
d) Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 02 năm trở lên/ O/S premium from 2 years	-	100%	-

Chi tiêu item	Giá trị hạch toán/ amount	Tỷ lệ loại trừ/ exclude	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán calculate the solvency margin
e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 02 năm trở lên/ O/S premium related reinsurance premium (inward + outward) (after deduct other receivable, other payable of reinsured in the same time) over 2 years after deducting provision	-	100%	-
g) Các khoản đầu tư trở lại cho các cổ đông (thành viên) góp vốn/người có liên quan quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng/ Re-investment to parent company	-	100%	-
n) Các tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực/ Outward investment assets have not been recovered within 01 year since the decision to revoke the certificate of foreign indirect investment registration is effective	-	100%	-
i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật./ Invested assets that is over limitation described in Insurance law	-	100%	-
k) Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm/ The reinsurance assets corresponding with reserve for outward premium fee of outward reinsurance contracts not to comply with the law on outward reinsurance	-	100%	-
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp/ chi nhánh nước ngoài - Company solvency margin.			1,507,214
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu - Minimum company solvency margin.			148,528
- 25% tổng phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán 25% total retained premium			14,786
- 12,5% của tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán/ 12,5% total premium			148,528
7. So sánh 5 và 6: - Compare two articles (5) and (6):	- Theo số tuyệt đối/ amount - Theo tỷ lệ/ %		1,358,686 1015%

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực./ We are ensure that these information are truly and fairly.

Người lập biểu /
Prepared by

BÀ TRẦN HỒ THỦY HẰNG
Phòng Quản trị rủi ro / RM Dept.

Người kiểm tra/
Checked by

ÔNG TRIỆU MINH CHÂU LUÂN
Trưởng phòng Định phí/ Head of
Actuary Dept.

Người xét duyệt/
Checked by

BÀ SONG HYUN MI
Giám đốc tài chính/ CFO.

HCM, ngày 27 Tháng 03 năm 2026 (Mar 27th, 2026)

Người đại diện theo Pháp Luật và Tổng giám đốc/
Legal representative and General Director

ÔNG YE WOUNG HAE
Tổng giám đốc/ General Director